

Bản án số: **55/2026/HS-PT**

Ngày: 03/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 290/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Võ Kiều L và Phạm Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo:

1. Võ Thị Kiều L, sinh năm 1982 tại Bình Định (nay là Gia Lai); nơi cư trú: 2 N, phường T, TP ., tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); nơi ở hiện tại: Căn hộ C Chung cư X, phường Q, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Đình H, sinh năm 1952; con bà: Đình Thị Thu H1, sinh năm 1953; chồng con: Phạm Văn Đ, sinh năm: 1978; con: 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh G; vắng mặt.

2. Phạm Văn Đ, S năm 1978 tại Bình Định(nay là Gia Lai); nơi cư trú: I L, phường L, TP ., tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); nơi ở hiện tại: Căn hộ C Chung cư X, phường Q, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hữu A, sinh năm 1951 (chết); con bà: Huỳnh Thị

Kim T, sinh năm 1954; vợ con: Võ Thị Kiều L, sinh năm: 1982; con: 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/11/2024 đến nay; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kiều L: Luật sư Nguyễn Thanh B, hoạt động tại Công ty L1; địa chỉ: Số F đường N, phường Q, tỉnh Gia Lai, thuộc đoàn luật sư tỉnh G; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ: Luật sư Nguyễn Thế V, hoạt động tại Công ty L2; địa chỉ: Số E đường H, phường Q, tỉnh Gia Lai, thuộc đoàn luật sư tỉnh G; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Thị Kiều L là giáo viên của Trường THCS L3, phường Q, từ năm 2015 bị cáo vay mượn tiền để mua bán đất đai. Do việc mua bán đất đai bị thua lỗ nên đến cuối năm 2018 bị cáo nợ tiền vay của nhiều người và Ngân hàng với số tiền khoảng 5.000.000.000 đồng, trong khi thu nhập hàng tháng của bị cáo và chồng là Phạm Văn Đ thì không có khả năng trả tiền gốc và lãi. Nhưng để duy trì công việc làm ăn và không để người khác biết về tình trạng mất khả năng thanh toán của mình nên bị cáo vay tiền của người sau để trả cho người vay trước dẫn đến số tiền nợ ngày càng lớn.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 62, diện tích 87,8 m² tọa lạc tại số H T, TP ., tỉnh Bình Định được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 370103486 ngày 02/5/2003 (viết tắt là Giấy chứng nhận) cho ông Đoàn Xuân H2 và bà Đoàn Thị H3. Ngày 18/01/2016, ông Đoàn Xuân H2 và Đoàn Thị H3 chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thửa đất trên cho chị Phan Thị Hồng T1 (Sinh năm: 1991, trú tại: C L, phường Q), nhưng thực chất người nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị S1 (mẹ ruột chị T1) nhờ chị T1 đứng tên hộ trên Giấy chứng nhận. Đến ngày 02/02/2016, chị T1 thế chấp ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số H T, TP . cho Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B1, (viết tắt là Ngân hàng) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH S2 & TM G. Cuối năm 2020, bị cáo thỏa thuận với bà S1 và chị T1 về việc mua bán ngôi nhà số H T, theo đó bị cáo sẽ trả hết khoản tiền nợ do thế chấp ngôi nhà số H T cho Ngân hàng (cả gốc và lãi khoảng hơn 5.000.000.000 đồng) thì bà S1 và T1 sẽ rút giấy tờ của ngôi nhà này ra sang tên cho L. Tuy nhiên, từ khi các bên thỏa thuận việc mua bán đến ngày 20/11/2021 khi Ngân hàng xử lý xong tài sản thế chấp là ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số H T, TP . để thu hồi nợ thì bị cáo không có bất kỳ hoạt động đặt cọc hoặc đưa tiền cho chị T1 hay bà S1 để thực hiện việc tất toán khoản vay cho Ngân hàng, nên việc mua bán ngôi nhà này không diễn ra.

Còn bà Ban Gia Q có nhu cầu mua lại ngôi nhà số H T để mở rộng khu vực kinh doanh và thông qua ông Nguyễn Thái D1 thì bà Q biết bị cáo là người rao bán ngôi nhà số H T. Vào ngày 10/12/2021, bị cáo gặp bà Q tại nhà của ông D1

thì bị cáo nói cho bà Q biết Giấy chứng nhận của ngôi nhà số H T đang thế chấp vay tại Ngân hàng, đồng thời bị cáo đưa bà Q xem bản photo Giấy chứng nhận, hợp đồng đặt cọc mua bán ngôi nhà nhưng không có chữ ký giữa bị cáo và chị T1, thống nhất giá mua bán ngôi nhà là 6.000.000.000 đồng, rồi bị cáo viết giấy nhận tiền với nội dung “Bà Q đặt cọc cho bị cáo 06 cây vàng SJC để mua lại ngôi nhà số H, thời hạn cọc là 03 tháng, nếu hết thời hạn mà bị cáo không chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngôi nhà số H cho bà Q tại tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền thì bị cáo sẽ bồi thường cho bà Q 09 cây vàng SJC”. Hết thời hạn đặt cọc (ngày 10/3/2022) nhưng bị cáo không thực đúng thỏa thuận, cũng như không trả lại tiền đặt cọc và thanh toán tiền bồi thường. Lúc này, bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là do giấy tờ ngôi nhà số H T đang thế chấp cho Ngân hàng nên cần nhiều thời gian để làm thủ tục rút ra và muốn bà Q đồng hành cùng với bị cáo, bị cáo cam kết nếu không rút được Giấy chứng nhận ngôi nhà số H T ra và bán ngôi nhà này cho bà Q thì bị cáo sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã nhận và bồi thường thêm cho bà Q số tiền 1.000.000.000 đồng, bị cáo còn đưa ra thông tin là trong tháng 4/2022 Phạm Văn Đ sẽ đi Hà Nội để lo “giải chấp” lấy Giấy chứng nhận của ngôi nhà số H đường T ra nên bà Q càng tin tưởng và từ ngày 14/3/2022 đến ngày 04/4/2022 đã đưa cho bị cáo 4.485.000.000 đồng, 1,4 cây vàng SJC và 07 chỉ vàng 97%.

Đối với bị cáo Phạm Văn Đ: Trong tháng 3/2022, bị cáo nghe ông Nguyễn Thái D1 nói về việc bị cáo L thỏa thuận bán ngôi nhà số H T cho bà Ban Gia Q, nên bị cáo biết rõ bị cáo L không phải chủ sở hữu ngôi nhà số H T, không có khả năng lấy giấy tờ của ngôi nhà này ra khỏi Ngân hàng, mà nhằm mục đích huy động tiền của bà Q giao cho. Nên vào sáng ngày 05/04/2022, khi bà Q gọi điện thoại cho bị cáo hỏi “Nghe cô L nói chủ đi Hà Nội để lo thủ tục lấy giấy tờ căn nhà từ ngân hàng ra phải không?” thì bị cáo trả lời “Dạ! Chị” và nói “Tối nay em đi”. Sau đó, bà Q nhắn tin cho bị cáo “Em cố gắng nhen em. Chúc em may mắn và thành công”, “Em tình hình có ổn không em, cho chị hay với em. Chị cảm ơn em. Cầu xin ơn trên phù hộ cho chị em mình. A di đà phật” thì bị cáo nhắn tin trả lời “Dạ cuối tuần mới gặp được chị”. Tiếp đến ngày 07/4/2022, bà Q nhắn tin cho bị cáo để hỏi thăm “Em tình hình có ổn không em, cho chị hay với em. Chị cảm ơn em. Cầu xin ơn trên phù hộ cho chị em mình. A di đà phật” thì bị cáo trả lời “Cơ bản ổn chị. E về em gọi chị”, lúc này bà Q hiểu là bị cáo đã làm việc xong với Ngân hàng để “giải chấp” ngôi nhà số H T nên nhắn tin cho bị cáo “Cầu xin mọi việc may mắn và kết quả tốt. A di đà phật”. Đến ngày 09/4/2022, bị cáo nhắn tin cho bà Q: “C (chị) yên tâm, mọi việc theo tiến độ”, bà Q nhắn tin trả lời “Dà chú C chú khỏe may mắn mọi việc hanh thông”. Nhưng sau đó, bà Q thấy ngôi nhà số H T sửa chữa nên lo lắng và nhắn tin cho bị cáo “Sao mình cũng lo vì mình thấy nó đập phá sửa chữa có bộ rất kỹ, k hiểu sao vậy chú, tui sợ nó lật mình quá chú à. Chú xem lại chỗ này nhen chú” thì bị cáo nhắn tin trả lời “E có kiểm tra thông tin bên ngân hàng rồi chị, bx (bà xã) e nó cũng lo và gọi hỏi suốt. Lo cũng đã 2,3 năm nay rồi. Tới khi mình động tới nó mới rục rịch sửa chữa”, “Nội bộ nó, nó muốn làm gì làm, nó cũng không biết nó còn tài sản bao nhiêu. Nên mình cũng không rỗi lên”. Sau khi nhận tin nhắn của bị cáo thì bà Q hoàn toàn tin tưởng và nhắn tin trả lời: “Dà chú cơ bản là mình phải cứng. Chú phải mạnh với ông Giám

độc ngân hàng N2 chú, thành công hay không là ở chỗ ông lớn của ngân hàng đó chú, chú phải quan tâm và ưu ái cho ông. Mình là người bị hại mà chú. Chú nên cầu cứu ông giúp. A di đà phật.. xin ơn trên phù hộ cho mình nhen chú. Chúc chú khỏe mạnh”, bị cáo nhấn tin trả lời “E cảm ơn chị, mong cv (công việc) xong sớm”. Bà Q tin tưởng thông tin của Đ đưa ra là thật nên từ ngày 05/4/2022 đến ngày 28/7/2022 đã đưa cho bị cáo L số tiền 2.059.000.000 đồng và 06 cây vàng SJC.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 75/KL-HĐĐGTTHS ngày 26/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận như sau: 06 cây (60 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 10/12/2021 có giá trị là 367.200.000 đồng; 1,4 cây (14 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 31/03/2022 có giá trị là 96.390.000 đồng; 07 chỉ vàng 97% tại thời điểm ngày 03/04/2022, loại vàng nhân có giá trị là 38.465.000 đồng; 03 cây (30 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 12/04/2022 có giá trị là 208.950.000 đồng; 03 cây (30 chỉ) vàng SJC tại thời điểm ngày 15/04/2022 có giá trị là 208.950.000 đồng. Tổng cộng bị cáo L đã nhận từ bà Ban Gia Q với tổng số tiền 7.463.955.000 đồng, bị cáo L đã trả lại 300.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền còn lại 7.163.955.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt bị cáo L sử dụng trả nợ vay cho người khác và tiêu xài cá nhân hết.

Về dân sự: Vợ chồng bà Ban Gia Q yêu cầu Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ bồi thường số tiền 7.163.955.000 đồng, gia đình bị cáo L nộp bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và ngày 13/8/2025 bị cáo Đ tiếp tục nộp khắc phục hậu quả cho vợ chồng bà Q 40.000.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0000491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia lai.

Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 , điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2024.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 , điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 năm (bảy) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS. Buộc bị cáo Võ Thị Kiều L phải bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H4 4.687.055.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo Phạm Văn Đ phải liên đới bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H4 2.476.900.000 đồng. Tạm giữ số tiền 90.000.000 đồng mà gia đình bị cáo L và bị cáo Đ đã nộp, theo Giấy nộp tiền số CT-DOC No: 1004250006000089 ngày 10/4/2025 tại Ngân hàng N1-Chi nhánh B1 (Phòng

G-Kho bạc Nhà nước khu vực XIII) và Biên lai thu tiền số: 0000491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/10/2025, Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự.

Luật sư Nguyễn Thanh B bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kiều L đề nghị chia phần với tỉ lệ 1/2.

Luật sư Nguyễn Thế V bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ đề nghị chia phần với tỉ lệ 1/3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị chấp nhận kháng nghị và sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với hồ sơ vụ án và các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Do cần tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân mà vợ chồng bị cáo Võ Thị Kiều L, Phạm Văn Đ đã có hành vi đưa ra nhiều thông tin gian dối là vợ chồng các bị cáo đang làm thủ tục giải chấp ngôi nhà và quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 62, diện tích 87,8m² tọa lạc tại số H T, TP ., tỉnh Bình Định đang thế chấp cho Ngân hàng V1-Chi nhánh B1 để chuyển nhượng lại cho bà Ban Gia Q, mặc dù khối tài sản này không thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng các bị cáo. Tin tưởng thông tin mà vợ chồng bị cáo L, Đ đưa ra là thật nên từ ngày 10/12/2021 đến 28/7/2022 bà Q nhiều lần đưa vàng, tiền cho bị cáo L với tổng số tiền 7.163.955.000 đồng và đã bị vợ chồng bị cáo L, Đ chiếm đoạt số tiền này. Trong đó, bị cáo Đ có hành vi giúp sức cho bị cáo L chiếm đoạt của bà Q với số tiền 2.476.900.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo Võ Kiều L và Phạm Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Án sơ thẩm quyết định bị cáo L và bị cáo Đ phải liên đới bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H4 2.476.900.000 đồng nhưng không chia phần là không đúng quy định Điều 587 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Án sơ thẩm quyết định Tạm giữ số tiền 90.000.000 đồng mà gia đình bị cáo L và bị cáo Đ đã nộp, theo Giấy nộp tiền số CT-DOC No: 1004250006000089 ngày 10/4/2025 tại Ngân hàng N1-Chi nhánh B1 (Phòng G-Kho bạc Nhà nước khu vực XIII) và Biên lai thu tiền số: 0000491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ bởi lẽ số tiền trên gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, bị hại chưa nhận tiền, số tiền tạm giữ ở Ngân hàng và cơ quan thi hành án.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phân trách nhiệm dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 , điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2024.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 , điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 năm (bảy) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 587 Bộ luật Dân sự:

3.1. Bị cáo Võ Thị Kiều L phải bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H4 4.687.055.000 (*Bốn tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu không trăm năm năm nghìn*) đồng.

3.2. Bị cáo Võ Thị Kiều L và bị cáo Phạm Văn Đ phải liên đới bồi thường cho vợ chồng bà Ban Gia Q, ông Phan Xuân H4 2.476.900.000 đồng nhưng chia phần bị cáo Võ Thị Kiều L và bị cáo Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải bồi thường 1.238.450.000 (*Một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3.3. Tạm giữ số tiền 90.000.000 đồng mà gia đình bị cáo L và bị cáo Đ đã nộp, theo Giấy nộp tiền số CT-DOC No: 1004250006000089 ngày 10/4/2025 tại

Ngân hàng N1-Chi nhánh B1 (Phòng G-Kho bạc Nhà nước khu vực XIII) và Biên lai thu tiền số: 0000491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường